

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29-7-2020

*“V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Sáu
Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Anh Đào

Bà Ngô Thị Oanh Kiều

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Chế Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Ông Trầm Văn Mừng, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị D, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp C, xã Th, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Đề nghị xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Ông Sơn Nh, sinh năm 1988. Nơi cư trú cuối cùng: ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đinh Thị D trình bày: Do quen biết trước nên bà D và ông Sơn Nh tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào năm 2011. Quá trình sống chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể dung hòa được, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nh.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Sơn Thị Ngọc Nh, sinh ngày 23/04/2009, hiện đang sống với bà D nên bà D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng và

không yêu cầu ông Sơn Nh cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2020 cháu Sơn Thị Ngọc Nh có nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ.

Bị đơn ông Sơn Nh vắng mặt và đã được Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tuyên bố Mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số: 06/2019/QĐST-DS ngày 02/12/2019. Ông Sơn Nh vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày của ông Nh tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Đinh Thị D tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Sơn Nh vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng là chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy hôn nhân giữa bà Đinh Thị D và Sơn Nh đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và ông Sơn Nh đã bỏ địa phương đi không rõ tung tích ở đâu nên bà D có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Sơn Nh mất tích. Tòa án mở phiên họp ban hành Quyết định số 06/2019/QĐST-DS ngày 02/12/2019 tuyên bố ông Sơn Nh mất tích. Con chung có 01 người con tên Sơn Thị Ngọc Nh, sinh 23/4/2009. Tài sản chung và nợ chung: không có. Nay bà D yêu cầu ly hôn với ông Sơn Nh; về con chung bà D yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, 228, 238 Bộ luật dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về hôn nhân: Cho bà Đinh Thị D ly hôn với ông Sơn Nh.

+ Về con chung: Giao cháu Sơn Thị Ngọc Nh, sinh 23/4/2009 cho bà Đinh Thị D nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nh là muốn sống chung với bà D, ông Sơn Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

+ Án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Thẩm quyền giải quyết:* Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nguyên đơn là bà Đinh Thị D địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Bị đơn là ông Sơn

Nh có nơi cư trú ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật*: Bà Đinh Thị D và ông Sơn Nh xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của bà D và ông Nh là hợp pháp.

[3] *Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn*: Kể từ khi kết hôn vào năm 2011 bà Đinh Thị D và ông Sơn Nh chung sống với nhau rất hạnh phúc và có một người con chung tên Sơn Thị Ngọc Nh sinh ngày 23/4/2009. Đến năm 2014 thì bà D và ông Nh phát sinh mâu thuẫn cự cãi với nhau do bất đồng quan điểm và sống ly thân cho đến nay. Sau đó, ông Nh đã bỏ đi khỏi địa phương vào khoảng cuối năm 2014 đến nay đã hơn 05 năm không trở về. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng do pháp luật quy định. Kết quả, Hội đồng xét xử căn cứ Quyết định giải quyết việc dân sự số: 06/2019/QĐST-DS ngày 02/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đã tuyên bố ông Sơn Nh mất tích. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông Nh.

[4] *Về con chung*: Bà D và ông Nh có một con chung tên Sơn Thị Ngọc Nh, sinh ngày 23/4/2009, kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Nh sống chung với bà D. Nguyên vọng của cháu Nh là được sống chung với bà D. Xét thấy, hiện nay bà D đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nh cũng là phù hợp nguyện vọng của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu Nh cho bà D nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật quy định. Bà D tự nguyện không có yêu cầu ông Sơn Nh cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung* bà D khai không có nên không giải quyết.

[6] *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú* là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 39, 147; 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho bà Đinh Thị D được ly hôn với ông Sơn Nh.
2. Về con chung: Giao con chung tên Sơn Thị Ngọc Nh, sinh ngày 23/4/2009 cho bà Đinh Thị D được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng (Đây cũng là nguyện vọng của cháu Nh) và bà Diệu không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn: Ông Sơn Nh được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Ông Sơn Nh cũng có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà D và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông Nh cũng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà D; bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông Nh.

Ngoài ra bà D, ông Nh còn có quyền, nghĩa vụ được quy định cụ thể tại Điều 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Đinh Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006952 ngày 13/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú; bà D đã nộp xong án phí trên. Bị đơn ông Sơn Nh không phải chịu án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Bà Đinh Thị D và ông Sơn Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Sáu